

Bản án số: **24/2020/HS-ST**

Ngày 17 - 9 - 2020

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lê Kiên và bà Dương Quỳnh Như.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 21/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị Xuân L, sinh ngày 20/7/1980; tại tỉnh Hưng Yên;

Nơi ĐKKHKT: T18 – 3316, Khu đô thị T, phường M, Quận H, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng viên: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lê Xuân Đ, sinh năm 1954 và bà: Đàm Thị L, sinh năm 1956; chồng: Hà Việt B, sinh năm 1972 (Đã ly hôn năm 2013); con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án Hình sự phúc thẩm số 297/2019/HSPT ngày 23/5/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội xử phạt Lê Thị Xuân L 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Cây Xi, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị Đỗ Ngọc H sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn Đồng Mon, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
4. Chị Phạm Kim Ng, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn Phú Lương, Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
5. Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn Phú Lương, Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
6. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Thôn Phú Lương, Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
7. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Thôn Phú Lương, Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
8. Chị Hoàng Thị ThA N; sinh năm 1980;
Địa chỉ: Thôn Phú Lương, Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
9. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn Đông Ninh, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
10. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn Phú Bình, Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
11. Chị Phùng Thị H, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Tổ 9, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
12. Chị Trần Kiều Kh, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Xóm 9, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
13. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Tổ 17, Phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
14. Chị Nguyễn ThA T, sinh năm 1974;
Địa chỉ: SN 06, tổ 7, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
15. Chị Vũ Thị Kim L, sinh năm 1982;
Địa chỉ: SN 104A, đường Tiên Lũng, tổ 12, Phường Y, thành phố T.
16. Chị Đào Thị Vân A, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Xóm T235, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
17. Chị Hoàng Thị Bích T, sinh năm 1971;
Địa chỉ: SN 02, tổ 02, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
18. Chị Trần Thị Lan O, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Tổ 7, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
19. Chị Dương Thị Diệu L, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Tổ 3, Phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
20. Chị Chu Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ 22, Phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

21. Chị Đặng Thị Minh T, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Tổ 7, Phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

22. Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Tổ dân phố 13, Phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

23. A Đỗ Văn D, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Tổ 4, Phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

24. Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Tổ 6, Phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

25. A Dương Bình D, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Tổ 15, Phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

26. A Cao A Đ, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Tổ Vĩnh Lim, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

27. Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Tổ 11, Phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

28. Chị Nguyễn ThA N, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Tổ 18, Phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

29. A Trần Chân T, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Tổ dân phố 10, Phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

30. Chị Đào Thị Thúy H, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Thôn Tân Hải Thành, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

31. Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Thôn Thiện Tâm, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

32. Chị Trần Thị T, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Thôn Gò Kiêu, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

33. Chị Dương Thị Hoa T, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Thôn Minh Tân, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

34. A Lê Duy Hải, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn Hội Trường, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

35. Chị Nông Thị T, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Tổ dân phố Tân An, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

36. Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn Trại Mít, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

37. Chị Dương Thị Hải V, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Thôn Tân M, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

38. Chị Trần Thị X, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Thôn Đồng Min, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
39. A Phạm Quang L, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn Tiến Thắng, Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
40. Chị Hà Thị K, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
41. A Hầu Quang H, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Thôn Lãng Nhiêu, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
42. Chị Nguyễn Thị Ái Q, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn Khúc Nô, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
43. A Ma Văn T, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn Cầu, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
44. Chị Ma Thị Ngũ, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Thôn Niêng, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
45. A Trần Ngọc L, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
46. Chị Thuởng Ngọc Thu, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Tổ 6, Phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
47. A Nguyễn Đức T, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn An Lộc A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
48. Chị Hoàng Thị Cẩm Nh, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn Loa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
49. Chị Trần Thị N, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Yên, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
50. Chị Hoàng Thị Ánh T, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Tổ 01, phường Tân Quang, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
51. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn Quang Thái, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
52. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Tổ dân phố 13, Phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
53. Chị Trần Kim C, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Tổ dân phố 5, Phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
54. A Lê Ngọc Ch, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Thôn Hợp Hòa 1, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
55. A Đào Hoàng A, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Sn 07, tổ 8, Phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

56. Chị Trần Ngọc H, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn Ninh Hòa, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

57. Chị Đinh Thị L, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn ThA Bình, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

58. Chị Ma Thị Q, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Thôn ThA Bình, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

59. Chị Mai Thị Q, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn Ninh Hòa, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

60. A Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Thôn Núi Độc, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

61. A Trần Quốc V, sinh năm 1981;
Địa chỉ: SN 16, tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

62. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn Cầu Đá, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

63. Chị Nông Thị Thu H, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn Hội Trường, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

64. Chị Ma Thị Y, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Thôn Đồng Giàng, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

65. Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn Góc Mít, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

66. Chị Hà Thị H, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn Đồng Chùa, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

67. Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn Đồng Phai, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

68. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

69. Chị Bàn Thị T, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

70. Chị Ma Thị N, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

71. Chị Nông Thị L, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Tổ 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

72. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

73. Chị Triệu Thị Th, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.
74. Chị Lâm Thị T, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.
75. Chị Nông Thị S, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Thôn Nà Đôn, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.
76. Chị Bế Thị H, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh C.
77. Chị Lữ Thu H, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Xóm Bản Cái, xã V, huyện B, tỉnh C.
78. Chị Trần Thị Á, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Xóm Nà Roác, xã B, huyện H, tỉnh C.
79. Chị Ma Thị L, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Xóm Bản Hòa, xã D, huyện H, tỉnh C.
80. Chị Nông Thị L, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Xóm Bản Tám, xã C, huyện T, tỉnh C.
81. A Vàng A D, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Xóm Ấc È, xã V, huyện B, tỉnh C.
82. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Xóm Niềng Đâu, xã Q, huyện T, tỉnh C.
83. Chị Mai Thị ThA Ph, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Xóm Pù Mồ, xã S, huyện B, tỉnh C.
84. Chị Ma Thị V, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Xóm Gạm Dầu, huyện L, huyện T, tỉnh C.
85. Chị Đàm Thị U, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.
86. Chị Ma Thị V, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Xóm Bản Hóa, xã D, huyện H, tỉnh C.
87. A Viên Tiên T, sinh năm 1962;
Địa chỉ: Thôn Cả, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
88. A Trương Văn V, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

89. A Nông Văn H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn Lũng Búng, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

90. A Viên Quốc Ch, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn Cả, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

91. A Hoàng Văn K, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

92. A Viên Đức N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Bồng, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

93. A Trương Văn C, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn Đồng Quan, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

94. Chị Bùi Thu H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm Hoàng Pháp, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Nguyễn Thị Bích Nt; chị Nguyễn Thị V; chị Đặng Thị Minh T; A Đỗ A D; A Nguyễn Văn Đ; A Trần Quốc V; chị Nông Thị L; chị Lâm Thị T có mặt). Những người liên quan còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị Xuân L là giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Văn hóa và Giáo dục Quốc tế (CPVH&GD Quốc tế) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012309 ngày 01/6/2006. Đến ngày 05/4/2007, Công ty CPVH&GD Quốc tế đăng ký và được Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội (Sở GD&ĐT Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Trung tâm đào tạo Ngoại ngữ - Tin học INEC thuộc Công ty CPVH&GD Quốc tế (gọi tắt là Trung tâm INEC); được gia hạn hoạt động nhiều lần địa chỉ tại P2D17, tập thể Đại học Bách Khoa, phường B, quận H, thành phố Hà Nội (sau đổi địa điểm đến số 02/12, ngõ 33, Lê ThA N, quận H, thành phố Hà Nội), do bà Phạm Thu H, sinh 1979, trú tại: số 3B, phố Đặng Thái T, quận H, thành phố Hà Nội đứng tên đăng ký mở Trung tâm INEC, do bà Phạm Thu H, sinh 1979, trú tại: số 3B, phố Đặng Thái T, quận H, thành phố Hà Nội đứng tên đăng ký mở Trung tâm INEC, nhưng thực tế mọi hoạt động của Trung tâm đều do Lê Thị Xuân L quản lý và điều hành. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Trung tâm INEC gồm “*Trung tâm đào*

tạo Ngoại ngữ - Tin học INEC thuộc Công ty Cổ phần Văn hóa và Giáo dục Quốc tế có trách nhiệm thực hiện các quy chế và quy định về quản lý giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo chương trình, nội dung đã đăng ký. Tổ chức thi và cấp chứng nhận hoàn thành khóa học cho học viên theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các hoạt động khác của Trung tâm phải thực hiện theo đúng Luật pháp hiện hành”.

Trong thời gian hoạt động từ năm 2006 đến năm 2015, Công ty CPVH&GD Quốc tế đã đăng ký sử dụng 05 con dấu tròn ướt. Phòng Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội Công an thành phố Hà Nội không đăng ký, cấp và quản lý con dấu nổi của “Trung tâm Ngoại ngữ & Tin học INEC”; không đăng ký, quản lý dấu chữ ký, dấu họ tên của Lê Thị Xuân L.

Quá trình quản lý, điều hành Trung tâm INEC, L đã tuyển một số nhân viên để quản lý hoạt động của Trung tâm (không xác định được cụ thể nhân viên) trong đó có chị Phan Thị Th, trú tại xóm 8, xã X, huyện V, tỉnh H từ năm 2010 đến năm 2015 và từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2016 L giao cho Lê Khắc V (em ruột) quản lý điều hành Công ty.

Mặc dù biết Trung tâm INEC thuộc Công ty CPVH&GD quốc tế không được phép cấp Chứng chỉ Tin học và chứng chỉ Ngoại ngữ Tiếng A, nhưng đầu từ năm 2006 đến 2016, L cho phép hoặc chỉ đạo Trung tâm INEC tổ chức học, thi và liên kết với một số Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học trên địa bàn thành phố Hà Nội để đào tạo và cấp nhiều Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Tiếng A trình độ A, B, C cho nhiều người tại các tỉnh thành trong cả nước, trong đó có tỉnh Tuyên Quang và tỉnh C để sử dụng trong việc thi công chức hoặc hoàn thiện hồ sơ công chức nhưng hiện L không xác định được tên và địa chỉ các trung tâm đó.

Để làm được các Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Tiếng A giả, L tự lên mạng tham khảo mẫu phôi chứng chỉ, đặt thiết kế (không báo cáo với Bộ giáo dục và Đào tạo), sau đó thuê in với số lượng lớn (L không xác định được số lượng phôi chứng chỉ đã in ra là bao nhiêu cái), chỉ xác định là có hai đến ba lần đặt in phôi chứng chỉ tại Công ty in Bưu điện Hà Nội. Đặc điểm của mẫu phôi chứng chỉ L thiết kế khác nhau theo từng giai đoạn về kích thước, hoa văn, màu sắc. Khi có người cần cấp chứng chỉ, L hướng dẫn cho nhân viên của Trung tâm INEC (không xác định được nhân viên) điền thông tin cá nhân của người cần cấp và trình độ A, B, C vào mẫu phôi Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Ngoại ngữ L đã in sẵn, sau đó đóng dấu tròn ướt, dấu nổi, có chứng chỉ L ký tươi, có chứng chỉ đóng dấu chữ ký của L để cấp, bán cho học viên và những người có nhu cầu sử dụng.

Quá trình điều tra, xác minh tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội xác định: Từ trước đến nay, Bộ Giáo dục và đào tạo không cấp, bán hoặc ủy quyền in phôi Chứng chỉ Tin học, Chứng chỉ Ngoại ngữ cho Trung tâm INEC thuộc Công ty CPVH&GD Quốc tế.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ và tạm giữ 100 chứng chỉ của 76 người ở tại tỉnh Tuyên Quang (gồm 57 chứng chỉ Tin học, 43 chứng chỉ Tiếng A). Ngoài ra Cơ quan điều tra đã đề nghị Cơ quan điều tra của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước phối hợp điều tra, xác minh thu thập các tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Thị Xuân L. Kết quả, tại tỉnh C đã phát hiện và tạm giữ của 10 người, với 19 chứng chỉ (gồm 10 chứng chỉ Tin học, 09 Chứng chỉ Tiếng A). Những người có được chứng chỉ do Trung tâm INEC cấp, có người khai được học, hoặc được thi, có người không học, không thi mà liên hệ thông qua người khác hoặc trên mạng để mua chứng chỉ. Trên các chứng chỉ này đều có in thông tin nơi cấp là Công ty Cổ phần Văn hóa và Giáo dục Quốc tế; có in và đóng hình dấu nổi "Trung tâm Ngoại ngữ & Tin học INEC", có hình dấu tròn đỏ mang tên "Công ty Cổ phần Văn hóa và Giáo dục Quốc tế", người ký cấp là Lê Thị Xuân L; mỗi chứng chỉ Công ty của L bán ra với giá trung bình 25.000đ/Chứng chỉ Ngoại ngữ; 15.000đ/Chứng chỉ Tin học. Trừ chi phí in phôi 5000đ/01 phôi, tổng số tiền L được hưởng lợi là 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Cụ thể số chứng chỉ được cấp tại tỉnh Tuyên Quang và tỉnh C như sau:

I- Số chứng chỉ tại tỉnh Tuyên Quang:

1. Đối với số người mua chứng chỉ và số người mua hộ chứng chỉ về sử dụng:

1.1. Số chứng chỉ của 10 giáo viên Trường Mầm non Xã C, huyện S, mua thông qua Nguyễn Thị Bích N, cư trú tại thôn Cây Xi, Xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang:

Đầu năm 2015, Nguyễn Thị Bích N, là giáo viên trường Mầm non Cấp Tiến, huyện S, được một người bạn giới thiệu (không nhớ ai) cho số điện thoại của một phụ nữ tên Thủy ở Hà Nội có thể làm Chứng chỉ Tin học, Chứng chỉ Tiếng A mà không cần phải học, thi. N đã liên hệ với T và được Thủy cho biết chỉ cần cung cấp ảnh thẻ, thông tin cá nhân, phô tô Chứng minh thư nhân dân và nộp 200.000đ/01 chứng chỉ. Sau đó, N đến trường nói với các giáo viên trong trường về việc làm chứng chỉ như Thủy đã trao đổi, có 09 giáo viên gồm: Đỗ Ngọc H, Phạm Thị N, Nguyễn Thị V; Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị L, Hoàng Thị ThA N, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị H đã thống nhất nhờ N mua hộ Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Tiếng A (trong đó chị Phạm Thị N mua cả 2 Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Ngoại ngữ, còn lại mua 01 Chứng chỉ Ngoại ngữ). Sau khi thống nhất, N gửi ảnh chụp Chứng minh nhân dân, ảnh

chân dung của mình và 09 giáo viên qua hộp thư điện tử, đồng thời chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho T. Khoảng 01 tháng sau T gửi 11 chứng chỉ (01 chứng chỉ Tin học, 10 chứng chỉ Tiếng A) cho N qua đường bưu điện, N trả chứng chỉ cho mọi người. Quá trình mua hộ chứng chỉ cho các giáo viên nêu trên, N không được hưởng lợi ích vật chất.

1.2. Số chứng chỉ của 08 giáo viên Trường Tiểu học Ý La, thành phố T:

Khoảng giữa năm 2011, Trường Tiểu học Ý La thông báo cho các giáo viên trong trường nộp chứng chỉ để hoàn thiện hồ sơ. Chị Phùng Thị H cùng một số giáo viên của trường thiếu chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ, nên đã tìm hiểu trên mạng thấy Trung tâm INEC ở Hà Nội có thể đăng ký học cấp tốc lấy chứng chỉ, mọi người liên hệ với Trung tâm qua số điện thoại quảng cáo trên mạng gặp và trao đổi với 1 người giới thiệu tên là D, được D cho biết không cần học, chỉ cần cung cấp 2 ảnh thẻ, phô tô Chứng minh thư nhân dân và tiền làm chứng chỉ 250.000đ/1 chứng chỉ. Sau đó các giáo viên có nhu cầu cần mua chứng chỉ lập dA S, phô tô Chứng minh thư và nộp tiền gửi qua xe khách về cho Trung tâm để mua chứng chỉ, trong đó: Chị Nguyễn ThA T, Vũ Thị Kim L, Đào Thị Vân A và Trần Thị Lan O mua 02 Chứng chỉ Tin học và Ngoại ngữ Tiếng A; chị Hoàng Bích T, Nguyễn Thu H mua Chứng chỉ Tin học và chị Phùng Thị H, Trần Kiều K mua 01 Chứng chỉ Tiếng A. Sau đó khoảng 02 tháng mọi người nhận được 12 chứng chỉ (07 chứng chỉ Tin học và 05 chứng chỉ Tiếng A) do Trung tâm gửi qua xe khách lên. Khi nhận được chứng chỉ, mọi người phô tô nộp hồ sơ công chức. Quá trình mua chứng chỉ chị H không được hưởng lợi ích vật chất.

1.3. Số chứng chỉ của 02 giáo viên trường Trung học cơ sở Hưng thành, thành phố T, mua thông qua Đặng Thị Minh T, trú tại tổ 4, Phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang:

Khoảng đầu năm 2015, Đặng Thị Minh T, Dương Thị Diệu L và Chu Thị H giáo viên trường Trung học cơ sở Hưng Thành thiếu chứng chỉ Tin học, Tiếng A nộp hoàn thiện hồ sơ công chức. Chị H bảo T có biết chỗ nào làm không, T lên mạng kiểm tra thấy Trung tâm INEC ở Hà Nội có cấp Chứng chỉ Tin học và Tiếng A, T đăng ký làm chứng chỉ tại mục bình luận và để lại số điện thoại. Sau đó có người phụ nữ gọi điện cho chị T tự xưng là nhân viên của Trung tâm nói: muốn làm chứng chỉ không cần học, chỉ cần cung cấp ảnh thẻ, thông tin cá nhân, loại chứng chỉ cần làm, giá 01 chứng chỉ 300.000đ, khi nào nhận được chứng chỉ mới thA toán tiền. Sau đó chị T trao đổi với chị H, chị D và chị L thì mọi người nhờ chị T liên hệ với Trung tâm mua 04 Chứng chỉ trong đó: Chị H mua 02 chứng chỉ Tin học và Tiếng A, chị T 01 chứng chỉ Tin học và chị L mua 01 chứng chỉ Tiếng A. T gửi ảnh, thông tin cá nhân của

3 người qua mạng Zalo cho Trung tâm (sau khi gửi chị T đã xóa thông tin trên Zalo). Khoảng 1 tuần sau chị T nhận được chứng chỉ gửi qua xe khách, chị T đưa chứng chỉ cho mọi người và gửi 1.200.000đ qua xe khách trả cho Trung tâm. Quá trình liên hệ làm chứng chỉ, chị T không được hưởng lợi ích vật chất.

(Do Chứng chỉ Tin học của chị T bị mất, Cơ quan điều tra chỉ thu được 03 chứng chỉ (02 Chứng chỉ Tiếng A và 01 Chứng chỉ Tin học) của chị H và L).

1.4. Chứng chỉ mua thông qua Đỗ Văn D, cư trú tại tổ 4, Phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (01 người):

Đỗ Văn D là cán bộ hợp đồng tại Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang, đầu năm 2015 cơ quan thông báo có đợt thi công chức, ai có nhu cầu thì làm hồ sơ để thi. Quá trình làm hồ sơ, D không tìm thấy 2 Chứng chỉ Tin học và Tiếng A đã theo học, thi và được cấp trước đó. D lên mạng tìm hiểu thì biết có trung tâm ở quận Cầu Giấy gần trường Đại học Quốc gia Hà Nội làm được chứng chỉ, D gọi vào số điện thoại đăng trên trang mạng thì một người phụ nữ nói Trung tâm có làm Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Tiếng A, thời gian học khoảng 1 tháng, tiền lệ phí làm chứng chỉ 350.000đ/1 chứng chỉ kèm theo bản phô tô Chứng minh thư nhân dân và ảnh thẻ.

D đến cơ quan nói với mọi người về việc tìm được Trung tâm học, thi và cấp Chứng chỉ Tin học, Chứng chỉ Tiếng A. Thì A Hoàng Trọng D, cư trú tại tổ 1, Phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (cùng cơ quan với D) nhờ D làm hộ chứng chỉ cho chị Đỗ Thị M là giáo viên trường Trung học cơ sở Lương Vượng (do trước đó chị M cần chứng chỉ để nộp hồ sơ công chức nên đã nhờ Dương tìm nơi làm hộ). D nhất trí nói cho Dương biết các thủ tục và giá tiền làm chứng chỉ như người phụ nữ ở Trung tâm đã thông báo. Sau đó Dương đưa ảnh thẻ, phô tô Chứng minh thư nhân dân của chị M cùng số tiền 700.000đ nhờ D làm hộ cho chị M 02 chứng chỉ Tin học và Tiếng A. D gửi ảnh của D và chị M cùng thông tin cá nhân và 1.400.000đ theo xe khách cho người của Trung tâm. Sau đó khoảng 4 đến 5 ngày, D tìm thấy 2 chứng chỉ cũ của mình, nên điện cho Trung tâm thông báo không làm chứng chỉ của D nữa và đề nghị trả lại 700.000đ, nhưng người phụ nữ của Trung tâm nói là đã nộp lệ phí lớp học nên không trả tiền được. Sau đó khoảng 01 tháng D nhận được 02 Chứng chỉ Tin học và Tiếng A của chị M do Trung tâm gửi qua xe khách. D đưa cho A Dương để trả cho chị M. Sau đó khi kiểm tra thấy 02 chứng chỉ do Trung tâm INEC, Lê Thị Xuân L ký cấp nhưng bị sai thông tin nơi sinh, nên chị M nhờ Dương đưa chứng chỉ cho D gửi xuống Trung tâm chỉnh sửa thông tin và gửi lại cho D trả cho chị M. Sau đó chị M đã phô tô chứng chỉ nộp hồ sơ công chức. Việc làm hộ chứng chỉ cho chị M, D không được hưởng lợi ích vật chất.

1.5. Sổ chứng chỉ của 08 người giáo viên Trường Mầm non Hoa Mai, thị trấn N, huyện N mua thông qua Nông Thị S, trú tại thôn Nà Đồn, xã ThA Tương, huyện N:

Khoảng đầu năm 2012, chị Nông Thị S là giáo viên trường mầm non Hoa Mai có gặp một người bán hàng rong (không rõ họ tên địa chỉ) qua trao đổi nói chuyện, người bán hàng rong nói cho chị S biết là biết chỗ làm chứng chỉ Tin học không cần học, chỉ cần cung cấp ảnh thẻ, phô tô chứng minh thư nhân dân và giá mỗi chứng chỉ 200.000đ, nếu S cần thì sẽ mua cho, do đang có nhu cầu bổ sung Chứng chỉ Tin học trong hồ sơ nên chị S đồng ý. Chị S đến nói chuyện với các giáo viên trong trường, sau đó có 07 giáo viên gồm: Chị Nguyễn Thị S, Bàn Thị T, Ma Thị N, Nông Thị L, Hoàng Thị L, Triệu Thị Th và chị Lâm Thị Tn nhờ chị S mua hộ chứng chỉ Tin học. S đã liên hệ với người bán hàng rong đặt mua 08 chứng chỉ Tin học và chuyển ảnh thẻ, thông tin cá nhân, tiền cho người bán hàng rong. Sau đó một thời gian người bán hàng rong đưa chứng chỉ, chị S đã trả cho mọi người. Chị S chỉ mua hộ chứng chỉ Tin học không hưởng lợi ích vật chất.

1.6. Sổ chứng chỉ mua thông qua Đào Hoàng A, trú tại tổ 8, Phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (03 người):

Năm 2003, Đào Hoàng A mở cửa hàng máy tính Hoàng A, đến năm 2009, đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên máy tính Hoàng Minh. Từ năm 2008 đến năm 2015, trung tâm máy tính của A có hợp đồng dạy Tin học văn phòng cho một số cán bộ, giáo viên trong tỉnh. Quá trình học có một số người có nhu cầu muốn được cấp chứng chỉ Tin học, nên đã nhờ Hoàng A làm hộ. A liên hệ với Đỗ Đình Đ ở L Nhân, Hà Nam và 1 phụ nữ tên H ở Hà Nội (không biết địa chỉ cụ thể) để làm chứng chỉ (Đ là người cung cấp các sản phẩm máy tính cho công ty của Hoàng A, còn H là do Đ giới thiệu), Đ và Hiếu bảo A gửi bài kiểm tra, ảnh của người cần làm, tiền làm chứng chỉ khoảng từ 120.000đ đến 250.000đ/chứng chỉ để Đạo, Hiếu liên hệ làm cho (Đạo và Hiếu liên hệ làm chứng chỉ ở tại đâu, Hoàng A không biết). Hoàng A đã làm hộ Chứng chỉ Tin học, Tiếng A cho 10 người (không xác định được tên, địa chỉ). Toàn bộ Chứng chỉ Tin học, Tiếng A do Trung tâm INEC cấp và người ký cấp là Lê Thị Xuân L (quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ được sổ chứng chỉ này).

Khoảng đầu năm 2015, Trần Kim C, cư trú tại thôn 5, xã Đội Cấn, thành phố T, là giáo viên Trường Tiểu học Đội Cấn, thành phố T, biết được thông tin Đào Hoàng A làm được chứng chỉ Tin học và chứng chỉ Tiếng A. Do yêu cầu phải có chứng chỉ Tin học, ngoại ngữ nộp hồ sơ cá nhân, C đã liên hệ với Đào Hoàng A để mua 2 chứng chỉ Tin học và Tiếng A để nộp hồ sơ công chức. Qua

nói chuyện, có 02 giáo viên cùng trường là chị Nguyễn Thị T nhờ C làm hộ 02 chứng chỉ Tin học, chứng chỉ Tiếng A và Lê Ngọc C nhờ C làm cho hộ 01 Chứng chỉ Tiếng A. C đến gặp A nhờ làm hộ 05 chứng chỉ, A nhất trí bảo C mỗi chứng chỉ giá 250.000đ và yêu cầu cung cấp thông tin người cần làm chứng chỉ. C nộp Chứng minh thư nhân dân phổ thông, ảnh thẻ của C, chị T và A cho Hoàng A. Sau đó A liên hệ với Đ và H (A không xác định được liên hệ với ai) để làm 05 chứng chỉ cho C, Triệu và Ch (02 chứng chỉ Tin học và 03 chứng chỉ Tiếng A). Sau khoảng 01 tháng có chứng chỉ, C đến Công ty của Hoàng A nhận chứng chỉ về trả cho mọi người và đưa cho A 1.250.000đ. Khi nhận chứng chỉ, chị Triệu kiểm tra thấy nội dung chứng chỉ bị sai ngày tháng năm sinh, nên chị C đã yêu cầu Hoàng A đổi lại, Hoàng A đã gửi đề H và Đ chỉnh sửa lại thông tin trên chứng chỉ rồi trả lại cho chị T. Sau khi có chứng chỉ chị C, T và A đã phổ thông nộp hồ sơ công chức.

Đào Hoàng A và Trần Kim C làm hộ chứng chỉ không được hưởng lợi ích vật chất.

1.7. Dương Bình D, Giáo viên Trường Tiểu học Đội Cấn, thành phố T: Khoảng giữa năm 2011, D thông qua một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) ở khu vực Bến xe khách, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để mua 01 Chứng chỉ Tiếng A với giá tiền là 300.000 đồng về sử dụng.

1.8. Hoàng Thị Thu H, giáo viên Trường Tiểu học Thiện Kế, huyện S, tỉnh Tuyên Quang: Vào khoảng tháng 4/2015, do cần có chứng chỉ Tin học để nộp hồ sơ công chức, chị Hà đã nhờ Hoàng Mạnh T (em trai), là sinh viên Trường Cao đẳng FPT - Hà Nội (hiện nay làm Công nhân tại Khu Công nghiệp Bá Thiện, huyện B, tỉnh V) mua hộ 01 Chứng chỉ Tin học. Thắng lên mạng Internet tìm thông tin, sau đó liên hệ với một người phụ nữ (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) để mua chứng chỉ Tin học với giá tiền 250.000 đồng cho chị H, T chỉ mua chứng chỉ giúp chị gái không hưởng lợi ích vật chất.

1.9. Nguyễn Đức T, giáo viên Trường Tiểu học Đình Thái, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang: Khoảng tháng 11/2013, T gặp một người thanh niên giới thiệu tên Nguyễn Tuấn A (không rõ nhân thân, địa chỉ) tại khu vực cổng Đài tưởng niệm tỉnh Tuyên Quang. Người thanh niên nói có thể làm được Chứng chỉ Tin học và Tiếng A không cần học với giá 1.100.000đ/02 chứng chỉ. Sau đó Thắng đã nhờ người này mua cho Thắng 02 Chứng chỉ Tin học, Tiếng A. Sau khi có chứng chỉ T đã phổ thông nộp hồ sơ công chức.

1.10. Bùi Thu H, giáo viên Trường Mầm non Sao Mai, thành phố T: Khoảng năm 2011 thông qua mạng xã hội Facebook, chị H đã liên hệ với một người (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) để mua 02 Chứng chỉ Tin học, Tiếng A về sử dụng với giá tiền từ khoảng 200.000đ đến 550.000đ/01 chứng

chỉ. Sau khi nhận được chứng chỉ, chị Huyền đã phô tô nộp vào hồ sơ công chức.

Tổng số 36 người mua sử dụng 47 chứng chỉ (trong đó 23 chứng chỉ Tin học và 24 chứng chỉ Tiếng A). Các chứng chỉ trên đều do Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ INEC do Lê Thị Xuân L ký cấp.

2. Số chứng chỉ mà người sử dụng có học, thi hoặc chỉ tham gia thi lấy chứng chỉ:

2.1. Số chứng chỉ của 06 cán bộ UBND xã T, huyện S.

Khoảng giữa năm 2014 các A Vi Tiến T, Trương Văn V, Nông Văn H, Hoàng Văn K, Viên Đức N và Viên Quốc C đều là cán bộ của UBND xã T, huyện S thấy xã đang hoàn thiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới, trong đó có tiêu chí cán bộ đạt chuẩn nhưng do chưa có Chứng chỉ Tin học văn phòng nên cần đi học để có chứng chỉ hoàn thiện hồ sơ. A Chủng đến Trung tâm dạy nghề UBND huyện hỏi để xin học thi cấp Chứng chỉ Tin học, nhưng do Trung tâm không đào tạo và cấp Chứng chỉ Tin học. A Chủng lên mạng Internet tìm thì thấy 1 trung tâm quảng cáo tuyển sinh đào tạo cấp Chứng chỉ Tin học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, trên đó có số điện thoại của cán bộ tuyển sinh. A Ch liên hệ đặt vấn đề đăng ký cho 06 người học thi lấy Chứng chỉ Tin học văn phòng, được 1 người đàn ông cho biết, nếu đã sử dụng thành thạo máy vi tính thì sẽ tạo điều kiện thi luôn không phải học, khi nào trung tâm thông báo thì xuống thi, khi đi mang theo ảnh thẻ và 300.000đ/1 người. A Chủng đến cơ quan thông báo cho mọi người là đã tìm được trung tâm để thi cấp chứng chỉ, chuẩn bị ảnh và tiền để đi thi.

Khoảng 01 tuần sau, A C liên hệ với Trung tâm thông báo là sẽ xuống thi. Sau đó A C cùng mọi người đi xuống Hà Nội theo sự hướng dẫn chỉ đường của người đàn ông của Trung tâm, đến Trung tâm đào tạo tin học, ngoại ngữ ở quận Nam Từ Liêm (không xác định được địa chỉ cụ thể), gặp 01 thA niên khoảng 30 tuổi, người thA niên này bảo mọi người xuống muộn nên tổ chức cho thi riêng 01 phòng và hướng dẫn mọi người làm bài thi, khoA vào các đáp án đúng và đánh 1 đoạn văn bản. Sau khi thi xong 06 người khai thông tin cá nhân, nộp ảnh thẻ, tiền cho người thA niên đó rồi đi về. Khoảng 02 tuần sau, A Chủng nhận được 06 Chứng chỉ Tin học và đưa cho mọi người phô tô nộp hồ sơ công chức.

2.2. Số chứng chỉ của 10 giáo viên trường Mầm non Hợp Hòa, huyện S mua qua Nguyễn Văn Đ, cán bộ văn hóa xã H (học tại xã):

Đầu tháng 11/2013 do nhu cầu phổ cập chương trình tin học cho cán bộ thôn, bản và một số giáo viên mầm non, tiểu học trên địa bàn xã H. A Nguyễn Văn Đ là cán bộ Văn hóa xã H, báo cáo và liên hệ với Trung tâm dạy nghề huyện S để mở lớp học tin học văn phòng cho 52 người. Giáo viên dạy là A Bùi

Hoàng Vthuộc Trung tâm dạy nghề Sơn Dương, Đ là phụ trách lớp học. Quá trình học có một số người là giáo viên nói với A Đ về việc đề nghị Trung tâm dạy nghề cấp cho họ Chứng chỉ Tin học trình độ B. Đ liên hệ với A Trần Quốc Việt - Trưởng phòng Đào tạo của Trung tâm dạy nghề huyện S hỏi về việc cấp Chứng chỉ Tin học cho các giáo viên. A Việt nói Trung tâm dạy nghề huyện không cấp được Chứng chỉ Tin học trình độ B mà chỉ cấp Chứng chỉ Sơ cấp nghề cho các học viên tham gia lớp học, nhưng nếu ai có nhu cầu cần chứng chỉ thì nộp tiền để Trung tâm liên hệ với Trường Đại học Tân Trào cấp Chứng chỉ Tin học trình độ B cho mọi người, mỗi người phải nộp 02 ảnh thẻ, ghi thông tin cá nhân sau ảnh, phô tô Chứng minh thư nhân dân và 200.000đ. Sau đó A Đ trao đổi với các giáo viên về việc làm chứng chỉ thì có 11 giáo viên của Trường Mầm non xã H, huyện S gồm: Chị Trần Thị H, Đinh Thị L, Ma Thị Q, Mai Thị Q, Nguyễn Thị Q, Đỗ Thị Xuân T, Nông Thị Thu H, Ma Thị Y, Nguyễn Thị Bích D, Hà Thị H và Đỗ Thị M đã nộp ảnh, tiền cho A Đ để nhờ làm Chứng chỉ Tin học. A Đ nhận tiền, thông tin cá nhân và lập dA S số học viên cần cấp chứng chỉ. Kết thúc khóa học, Trung tâm có tổ chức cho học viên làm bài kiểm tra tại phòng máy tính của trường. Sau đó A Đ đưa dA S (11 người) và tiền đến Trung tâm dạy nghề đưa cho A Trần Quốc Việt để làm chứng chỉ. Đến khoảng tháng 8/2014 khi có chứng chỉ, A Đ đến Trung tâm dạy nghề huyện gặp A Việt nhận chứng chỉ thì thấy chứng chỉ không phải do Trường Đại học Tân Trào cấp, mà của Trung tâm INEC, A Đ hỏi thì A Việt cho biết, chứng chỉ này có giá trị như Chứng chỉ Tin học của Trường Đại học Tân Trào nên A Đ cầm chứng chỉ về giao cho mọi người. Sau khi có chứng chỉ các giáo viên trên đã phô tô nộp hồ sơ công chức.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu được của 10 người 10 Chứng chỉ Tin học, riêng chị Đỗ Thị Xuân T không thu được chứng chỉ bản gốc do bị thất lạc.

2.3. Đối với 24 người khác có học và kiểm tra thi lấy chứng chỉ:

Quá trình điều tra xác định, trong thời gian từ năm 2008 đến 2016, còn có 24 người đã đi học, thi kiểm tra để được cấp 18 Chứng chỉ Tin học và 19 Chứng chỉ Tiếng A tại các Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ ở các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc và thành phố Hà Nội và được cấp các Chứng chỉ Tin học, Chứng chỉ Tiếng A, cụ thể:

Tại thành phố T gồm: Nguyễn Thị Hồng H, trú tại tổ 6, Phường T (01 Chứng chỉ Tin học); Nguyễn Thị Hồng L, trú tại tổ 11, Phường T (01 Chứng chỉ Tin học); Nguyễn ThA N, trú tại tổ 18, Phường P (01 Chứng chỉ Tiếng A); Trần Chân T, trú tại tổ 10, xã Đội Cấn (01 Chứng chỉ Tiếng A); Đào Thị Thúy H, trú tại thôn Tân Thành, xã T (01 Chứng chỉ Tin học, 01 Chứng chỉ Tiếng A);

Thường Ngọc T, trú tại tổ 6, Phường H (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Hoàng Thị Ánh T, trú tại tổ 01, phường T (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Tại huyện S gồm: Trương Văn C, trú tại thôn Đồng Quan, xã L (01 Chứng chỉ Tin học); Trần Thị T, trú tại thôn Gò Kiêu, xã Văn Phú (01 Chứng chỉ Tin học và 01 chứng chỉ Tiếng A); Dương Thị Hoa T, trú tại thôn Minh Tân, xã T (01 Chứng chỉ Tin học); Lê Duy H, trú tại thôn Hội Trường, xã Kháng Nhật (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Nông Thị T, trú tại tổ dân phố T, thị trấn S (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Trần Thị X, trú tại thôn Đồng Min, xã B (01 Chứng chỉ Tin học); Phạm Quang L, trú tại thôn Chiến Thắng, Xã C (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Hà Thị K, trú tại thôn Tân Lập, xã T (01 Chứng chỉ Tin học, và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Hầu Quang H, trú tại thôn Lăng Nhiêu, xã P (01 Chứng chỉ Tin học); Nguyễn Thị Ái Q, trú tại thôn Khúc Nò, xã Đ (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Ma Văn T, trú tại thôn Cầu, xã M (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Ma Thị N, trú tại thôn Niềng, xã M (01 Chứng chỉ Tiếng A); Tại huyện H gồm: Trần Ngọc L, trú tại thôn Tân Lập, xã Đ (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Hoàng Thị Cẩm N, trú tại thôn Loa, xã T (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Trần Thị Nga, trú tại tổ dân phố Tân Yên, thị trấn T (01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A); Phạm Thị N, trú tại thôn Quang Thái, xã Thái H (01 Chứng chỉ Tiếng A); Tại huyện C: Cao A Đ, trú tại tổ Vĩnh Lim, thị trấn V (01 Chứng chỉ Tiếng A).

Tổng số người đi học, thi hoặc chỉ tham gia thi và được Trung tâm INEC do Lê Thị Xuân L ký cấp chứng chỉ là 40 người = 53 chứng chỉ (trong đó 34 chứng chỉ Tin học và 19 chứng chỉ Tiếng A).

II. Số chứng chỉ tại tỉnh C:

Năm 2012 do có nhu cầu cần có Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Tiếng A để thi công chức hoặc hoàn thiện hồ sơ công chức, có 10 người đã thông qua mạng Internet hoặc qua người môi giới liên hệ với Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ INEC để mua hoặc học và thi lấy 19 Chứng chỉ, trong đó có 10 Chứng chỉ Tin học và 09 Chứng chỉ Tiếng A để sử dụng, gồm: Ma Thị L, trú tại xóm Bản Hóa, xã Dân Chủ, huyện H (01 Chứng chỉ Tin học); Đàm Thị U, trú tại Tổ 2, thị trấn T, huyện T; Trần Thị Á, trú tại xóm Nhà Roác, xã B, huyện H; Hứa Thị Bích N, trú tại xóm Nhà Rài, xã C, huyện T; Lữ Thu H, trú tại xóm Bản C, xã V, huyện B; Mai Thị Thanh P, trú tại xóm Pù Mồ, xã S, huyện B; Bé Thị H, trú tại Tổ 1, thị trấn Tĩnh T, huyện N; Ma Thị V, trú tại xóm Gặm Dầu, xã L, huyện T; Nông Thị L, trú tại xóm Bản Tám, xã C, huyện T; Vàng A D, trú tại xóm Ấc È, xã V, huyện B (mỗi người 01 Chứng chỉ Tin học và 01 Chứng chỉ Tiếng A).

Quá trình liên hệ đề học và thi lấy Chứng chỉ Tin học, Chứng chỉ Tiếng A, toàn bộ người trên đều không biết Trung tâm INEC có đủ thẩm quyền để cấp chứng chỉ hay không. Sau khi có chứng chỉ, họ đã đi phô tô và đưa vào hồ sơ xét tuyển công chức viên chức năm 2016. Hiện 10 người trên đang là giáo viên các trường Mầm non, Tiểu học hoặc Trung học cơ sở ở tỉnh C.

* Quá trình điều tra, Cơ quan đã tạm giữ được 119 Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Tiếng A bản gốc do Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ INEC, thuộc Công ty cổ phần Văn hóa và giáo dục Quốc tế, do Lê Thị Xuân L làm giám đốc ký cấp (trong đó có 67 chứng chỉ Tin học và 52 chứng chỉ Tiếng A), của 86 người tại tỉnh Tuyên Quang và tỉnh C.

* Tại Kết luận giám định số 603-GĐ/KTHS ngày 26/8/2019; Kết luận giám định số 34 ngày 26/12/2019; Kết luận giám định số 243 ngày 20/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

Kết luận:

1. Hình dấu tròn đỏ nội dung “*Q.THA XUÂN-TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.D: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” và hình dấu tròn nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ&TIN HOC INEC” trên các chứng chỉ đứng tên Nguyễn Thị Quý, Đỗ Thị Man, Ma Thị Yên, Nguyễn Thị Bích Diệp, Hà Thị Hương, Nông Thị Thu Hương với hình dấu tròn có nội dung “*Q.THA XUÂN-TP HÀ NỘI*S.Đ.K.K.D: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ”, ký hiệu M4 và hình dấu nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ&TIN HOC INEC” (đóng ra bằng con dấu kim loại màu xA lá cây) là do cùng một con dấu cùng loại in ra.

- Hình dấu tròn đỏ nội dung “*Q.THA XUÂN-TP HÀ NỘI*S.Đ.K.K.D: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” và hình dấu nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ&TIN HOC INEC” trên các chứng chỉ đứng tên Lâm Thị Truyền, Ma Thị Ngát, Nông Thị S, Triệu Thị Thoan, Nguyễn Thị Sơn, Hoàng Thị Liên, Bàn Thị ThA, Nông Thị Liệu với hình dấu tròn đỏ nội dung “*Q.THA XUÂN-TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.D: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” ký hiệu M3 và hình dấu tròn nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ&TIN HOC INEC” (đóng ra bằng con dấu kim loại màu xA dương) là do cùng một con dấu cùng loại in ra.

- Hình dấu tròn đỏ nội dung “*Q.THA XUÂN-TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.D: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” trên 02 chứng chỉ mang tên Trần Kim C và 01 chứng chỉ mang tên Lê Ngọc ChA với hình dấu tròn đỏ có nội dung “*Q.THA XUÂN-TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.D: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” ký hiệu M3 là do cùng một con dấu in ra.

2. Chữ ký đứng tên Lê Thị Xuân L trên các chứng chỉ cần giám định với hình dấu chữ ký đứng tên Lê Thị Xuân L trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu in ra.

3. Dòng chữ họ tên “Lê Thị Xuân L” trên các chứng chỉ cần giám định với hình dấu họ tên “Lê Thị Xuân L” trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu in ra.

4. Các phôi chứng chỉ cần giám định và phôi chứng chỉ mẫu so sánh không cùng loại mẫu phôi.

* Tại Kết luận giám định số 243 ngày 20/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận đối với 21 chứng chỉ của 11 người tại tỉnh C như sau:

1. Hình dấu tròn đỏ nội dung “*Q.THA XUÂN-TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.Đ: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” trên chứng chỉ mang tên Trần Thị Ánh và Ma Thị L với hình dấu tròn đỏ nội dung “*Q.THA XUÂN-TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.Đ: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” ký hiệu M4 là do cùng một con dấu in ra.

- Hình dấu tròn nội dung vành ngoài *Q.HAI BÀ TRUNG -TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.Đ: 0103012309-C.T.C.P*“CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA GIÁO DỤC QUỐC TẾ” trên các chứng chỉ mang tên Nông Thị L, Vàng A D, Nguyễn Thị S, Ma Thị V với hình dấu tròn đỏ nội dung *Q.HAI BÀ TRUNG - TP.HÀ NỘI* S.Đ.K.K.Đ: 0103012309-C.T.C.P*“CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA GIÁO DỤC QUỐC TẾ” ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu in ra.

- Hình dấu tròn đỏ nội dung ngoài *Q.HAI BÀ TRUNG -TP. HÀ NỘI* M.S.D.N 0101959113-C.T.C.P*“CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA GIÁO DỤC QUỐC TẾ” trên các chứng chỉ mang tên Mai Thị ThA P, Đàm Thị U với hình dấu tròn đỏ nội dung *Q.HAI BÀ TRUNG -TP. HÀ NỘI* M.S.D.N 0101959113-C.T.C.P*“CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA GIÁO DỤC QUỐC TẾ” ký hiệu M5 là do cùng 1 con dấu in ra

- Hình dấu tròn đỏ nội dung “*Q.THA XUÂN-TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.Đ: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” trên chứng chỉ mang tên Hứa Thị Bích N, Lữ Thu H, Bé Thị H với hình dấu tròn đỏ nội dung “*Q.THA XUÂN-TP.HÀ NỘI*S.Đ.K.K.Đ: 010302309-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ” ký hiệu M3 là do cùng một con dấu in ra.

2. Hình dấu tròn nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ & TIN HỌC INEC” trên các chứng chỉ mang tên Hứa Thị Bích N, Mai Thị ThA Phương, Ma Thị L với hình dấu nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ & TIN HỌC INEC” (đóng ra bằng con dấu kim loại màu xA lá cây) là do cùng một con dấu in ra.

- Hình dấu tròn nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ & TIN HỌC INEC” trên các chứng chỉ mang tên Lữ Thu H, Bé Thị H, Trần Thị Á, Nông Thị L,

Vàng A D, Ma Thị V với hình dấu nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ & TIN HỌC INEC” (đóng ra bằng con dấu kim loại màu xA dương) là do cùng một con dấu in ra.

- Các chứng chỉ mang tên Nguyễn Thị S, Đàm Thị U không có hình dấu tròn nổi nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ & TIN HỌC INEC” nên không có căn cứ giám định.

3. Chữ ký đứng tên Lê Thị Xuân L trên 02 chứng chỉ mang tên Bé Thị Hạnh với chữ ký đứng tên Lê Thị Xuân L trên mẫu so sánh là do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Lê Thị Xuân L trên các chứng chỉ mang tên Mai Thị ThA Phương, Đàm Thị U, Trần Thị Á, Ma Thị L, Hứa Thị Bích N, Lữ Thu H với hình dấu chữ ký đứng tên Lê Thị Xuân L trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu in ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Thị Xuân L trên các chứng chỉ mang tên Nông Thị L, Vàng A D, Nguyễn Thị S, Ma Thị V với hình dấu chữ ký đứng tên Lê Thị Xuân L trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu in ra.

4. Dòng chữ họ tên “Lê Thị Xuân L” trên các chứng chỉ mang tên Trần Thị Á, Ma Thị L, Mai Thị ThA P, Đàm Thị U, Hứa Bích N, Lữ Thu H, Bé Thị H với hình dấu họ, tên “Lê Thị Xuân L” trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu in ra.

- Dòng chữ họ tên “Lê Thị Xuân L” trên các chứng chỉ mang tên Nông Thị L, Vàng A D, Nguyễn Thị S với hình dấu họ, tên “Lê Thị Xuân L” trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu in ra.

- Các chứng chỉ mang tên Ma Thị V không có dòng chữ họ tên “Lê Thị Xuân L”, nên không có căn cứ giám định

5. Các phôi chứng chỉ cần giám định và phôi chứng chỉ mẫu so sánh không cùng loại mẫu phôi.

Tại bản Cáo trạng số 20/QĐ-VKS-P2 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo: Lê Thị Xuân L về tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Xuân L trình bày: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều trình bày: Họ không đăng ký học, không thi mà liên hệ trên mạng Internet hoặc qua facebook, một số người liên quan trực tiếp xuống trung tâm của bị cáo để đăng ký học hoặc thi... mỗi chứng chỉ giao động từ 200.000đ đến 300.000đ. Về

số tiền đã chi phí mua chứng chỉ những người liên quan đều không yêu cầu được trả lại.

Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị Xuân L như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Xuân L phạm tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Phạt tiền Lê Thị Xuân L từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ.

Về khoản tiền bị cáo đã hưởng lợi: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu số tiền bị cáo đã thu lời bất chính là 1.780.000đ để sung ngân S Nhà nước (Được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tạm thu chờ xử L).

Về xử L vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử L theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo, xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Xuân L tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản kiểm tra thu giữ điện thoại và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2016 Lê Thị Xuân L, cư trú tại T18 - 3316, Khu đô thị Times City, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội là Giám đốc Công ty cổ phần Văn hóa và Giáo dục Quốc tế đã thành lập Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ INEC. Do không có thẩm quyền cấp Chứng chỉ Tin học, Chứng chỉ Ngoại ngữ (Tiếng A) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng L đã nhiều lần có hành vi tự thiết kế, đặt in mẫu phôi và làm 119 chứng chỉ (67 Chứng chỉ Tin học, 52 Chứng chỉ Tiếng A), cho 86 giáo viên, cán bộ, học sinh tại tỉnh Tuyên Quang và tỉnh C để nộp hoàn thiện hồ sơ công chức và hồ sơ thi tuyển công chức, trong đó có 08 chứng chỉ do L ký cấp trực tiếp gồm: 02 chứng chỉ của Bé Thị Hạnh ở tỉnh C và 06 chứng chỉ của Lê Duy H; Nguyễn Thị Hồng H, Dương Bình D và

Trần Thị N tại tỉnh Tuyên Quang. Thu lời 1.780.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm tới sự hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là những người có đầy đủ năng lực, có trình độ hiểu biết, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý vi phạm. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2016 bị cáo Lê Thị Xuân L đã nhiều lần có hành vi tự thiết kế, đặt in mẫu phôi và làm 119 chứng chỉ (67 Chứng chỉ Tin học, 52 Chứng chỉ Tiếng A), cho 86 giáo viên, cán bộ, học sinh tại tỉnh Tuyên Quang và tỉnh C, thu lời 1.780.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*). Hành vi này của bị cáo L thực hiện trước hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, cụ thể: Trong các năm 2016, 2017 L đã có hành vi “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” với tổng số hơn 300 chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, thu lời bất chính 15.000.000đ, Lê Thị Xuân L đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm, TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm tại bản án số 297/2019/HSPT ngày 23/5/2019, xử phạt Lê Thị Xuân L 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, với cấu thành tăng nặng là phạm tội nhiều lần (Số chứng chỉ làm giả nhiều gấp gần 3 lần so với lần bị truy tố xét xử tại Tuyên Quang). Hành vi thực hiện sau xét xử trước, hành vi thực hiện trước xét xử sau. Hành vi của bị cáo được xác định thực hiện ở nhiều địa phương, nếu các cơ quan tiến hành tố tụng công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng, vụ việc sớm được phát hiện, xử L, được sáp nhập vụ án thì bị cáo không bị xét xử nhiều lần, gây bất lợi cho bị cáo.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm phạm tội khi đó Bộ luật Hình sự 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, do đó để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi của bị cáo bị điều tra, truy tố, xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo là phù hợp.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lê Thị Xuân L có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp số tiền do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo đã tố giác với cơ quan Điều tra bắt đối tượng bị

truy nã. Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, bị cáo có 03 A chị em thì 02 A ruột của bị cáo đều đang bị tâm thần; bố đẻ bị cáo hiện đang bệnh hiểm nghèo; bị cáo đang nuôi hai con nhỏ, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo trong mức đề nghị của Viện kiểm sát xử phạt bị cáo hình phạt tiền với mức từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 94 người, trong đó: có 08 người có mặt, có 86 người vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt 80 người. Đây là những người đã mua chứng chỉ; một số người đã nộp tiền để đăng ký học, thi để được cấp chứng chỉ phục vụ cho công việc và hoàn chỉnh hồ sơ của cá nhân. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến gì đối với số tiền đã chi phí để được cấp chứng chỉ, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử L vật chứng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ các vật chứng: 05 (năm) mẫu phôi chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ của Bộ giáo dục và Đào tạo cung cấp; 121 (một trăm hai mươi một) chứng chỉ (gồm 68 Chứng chỉ Tin học, 53 Chứng chỉ Tiếng A; 01 phong bì giấy khổ A4, phía góc trên bên trái có dòng chữ và số viết tay "from: Đoàn Thị T, đt 0986888150, Tầng 3 - Tòa Việt Á", phía góc dưới bên phải có dòng chữ và số viết tay " C. N - 01664475737, Cấp Tiến, Sơn Dương, Tuyên. Quang, Chợ Nghĩa" là vật chứng của vụ án cần lưu theo hồ sơ vụ án.

- Tịch thu của bị cáo Lê Thị Xuân L 1.780.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có để sung ngân S Nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 1.780.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001189 ngày 20/7/2020.

[8] Đối với Phan Thị T quá trình điều tra, L khai đã giao cho T quản L, điều hành hoạt động của Trung tâm INEC từ 2010 đến 2015 nhưng ThA không thừa nhận, mà chỉ khai nhận làm thuê cho L trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9/2013 và từ tháng 7 đến tháng 9/2014, với công việc tuyển sinh, ngoài ra không làm gì khác. Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh T quản L, điều hành hoạt động của Trung tâm INEC như lời khai của L. Do vậy, không đủ căn cứ kết luận T có vai trò đồng phạm với L trong vụ án.

- Đối với Lê Khắc V: Được Lê Thị Xuân L giao quản L, điều hành hoạt động của Trung tâm INEC từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2016, trong thời gian này Vũ đã bán Chứng chỉ Tin học, Chứng chỉ Tiếng Anh của Trung tâm INEC cho nhiều người. Hành vi của Vũ đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử về tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, tại Bản án số 235/2017/HSST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử 30 tháng tù cho hưởng án treo. Quá trình điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi của Vũ có vai trò đồng phạm với L trong vụ án này nên không đề cập xử L.

- Đối với Phạm Thu H, trú tại: Số 3B, phố Đặng Thái Thân, quận H, thành phố Hà Nội là người đứng tên đăng ký mở Trung tâm INEC, nhưng thực tế mọi hoạt động của Trung tâm đều do Lê Thị Xuân L quản L và điều hành. Hào không biết việc L làm giả Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Tiếng A, nên không xem xét xử L.

- Đối với Nguyễn Thị Bích N, Nông Thị S, Đào Hoàng A, Đỗ A D, Đào Văn D, Đặng Thị Minh T và Trần Kim C đã có hành vi chuyển tiền, thông tin cá nhân, ảnh thẻ để mua chứng chỉ cho nhưng người có nhu cầu sử dụng. Hành vi của những người đã mua và sử dụng Chứng chỉ Tin học, Tiếng A giả. Do không biết việc làm, mua bán chứng chỉ là giả và không nhằm mục đích vụ lợi; tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể nên không cần thiết phải xử L bằng biện pháp hình sự. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã có văn bản và chuyển tài liệu đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử L bằng hình thức khác là phù hợp.

- Đối với người phụ nữ tên H ở Hà Nội và người đàn ông tên Đạo ở L Nhân, Hà Nam mà Đào Hoàng A khai đã liên hệ để làm chứng chỉ Tin học, Tiếng A cho người sử dụng, do không có thông tin cá nhân và địa chỉ cụ thể, Hoàng A cũng không còn lưu giữ số điện thoại cá nhân của Đạo và Hiếu, nên không có căn cứ xem xét xử L.

- Đối với Đoàn Thị T, trú tại 15/15 ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, TP. Hà Nội (nhân viên của Ngân hàng

VPBank, số 9, phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội - Tòa nhà Việt Á, Nguyễn Thị Bích N khai nhận khi mua chứng chỉ tin học, ngoại ngữ cho bản thân và 09 giáo viên cùng trường, N đã liên hệ với Đoàn Thị T để mua, các chứng chỉ sau khi làm xong Thủy đóng gói vào một phong bì có ghi tên người gửi, người nhận, số điện thoại và gửi theo xe khách cho N. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định về chữ viết trên phong bì này, kết quả xác định chữ viết trên phong bì là của Đoàn Thị T viết ra. Tuy nhiên quá trình điều tra, Thủy không thừa nhận có quen biết Nguyễn Thị Bích N. Từ năm 2014 đến 2018, Thủy có liên hệ với Lê Thị Xuân L để thuê trọ tại số nhà 39, số 199, phố Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội nhưng Thủy không quen biết và không giao dịch với Nguyễn Thị Bích N, không liên quan đến việc L và N làm và mua bán chứng chỉ giả. Do vậy không có căn cứ kết luận Thủy đồng phạm với Lê Thị Xuân L về hành vi phạm tội như đã nêu.

- Đối với Trần Quốc V, cán bộ Trung tâm dạy nghề huyện S, quá trình điều tra, không đủ căn cứ để xác định Việt là người đã làm giúp chứng chỉ cho các giáo viên của Trường Mầm non xã Hòa Hợp (theo lời khai của Nguyễn Văn Đ - cán bộ Văn Hóa xã Hòa Hợp, huyện S) nên không có căn cứ để xem xét xử L.

- Đối với 02 Chứng chỉ Tin học và Chứng chỉ Tiếng A Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Thị Son, cư trú tại Xóm Niềng Đậu, xã Q, huyện T, tỉnh C. Kết quả giám định xác định dấu tròn ướt, dấu nổi, dấu tên trên 02 chứng chỉ này không phải do con dấu của Công ty Văn hóa và Giáo dục Quốc tế, Trung tâm INEC, dấu tên, chữ ký và dấu chữ ký của Lê Thị Xuân L nên không có căn cứ để xử L đối với L 02 chứng chỉ này.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Xuân L phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 35 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Lê Thị Xuân L 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Về xử L vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu để lưu theo hồ sơ vụ án: 05 (năm) mẫu phôi chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ của Bộ giáo dục và Đào tạo cung cấp; 121 (một trăm hai mươi mốt) chứng chỉ (gồm 68 Chứng chỉ Tin học, 53 Chứng chỉ Tiếng A; 01 phong bì giấy khổ A4, phía góc trên bên trái có dòng chữ và số viết tay "from: Đoàn Thị Thủy, đt 0986888150, Tầng 3 - Tòa Việt Á", phía góc dưới bên phải có dòng chữ và số viết tay " C. N - 01664475737, Cấp Tiến, Sơn Dương, Tuyên. Quang, Chợ Nghĩa" là vật chứng của vụ án cần lưu theo hồ sơ vụ án.

- Tịch thu của bị cáo Lê Thị Xuân L 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) là số tiền do bị cáo phạm tội mà có để sung ngân S Nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 1.780.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001189 ngày 20/7/2020.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Thị Xuân L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQANĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ma Hồng Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quỳnh Như

Nguyễn Lê Kiên

Ma Hồng Thắng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQANĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Xuân L: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2016 bị cáo Lê Thị Xuân L đã nhiều lần có hành vi tự thiết kế, đặt in mẫu phôi và làm 119 chứng chỉ (67 Chứng chỉ Tin học, 52 Chứng chỉ Tiếng A), cho 86 giáo viên, cán bộ, học sinh tại tỉnh Tuyên Quang và tỉnh C, thu lòi 1.780.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*). Hành vi này của bị cáo L thực hiện trước hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, cụ thể: Trong các năm 2016, 2017 L đã có hành vi “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” với tổng số hơn 300 chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, thu lòi bất chính 15.000.000đ, Lê Thị Xuân L đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm, TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm tại bản án số 297/2019/HSPT ngày 23/5/2019, xử phạt Lê Thị Xuân L 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, với cấu thành tăng nặng là phạm tội nhiều lần (Số chứng chỉ làm giả nhiều gấp gần 3 lần so với lần bị truy tố xét xử tại Tuyên Quang). Hành vi thực hiện sau xét xử trước, hành vi thực hiện trước xét xử sau. Hành vi của bị cáo được xác định thực hiện ở nhiều địa phương, nếu các cơ quan tiến hành tố tụng công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng, vụ việc sớm được phát hiện, xử L, được sáp nhập vụ án thì bị cáo không bị xét xử nhiều lần, gây bất lợi cho bị cáo.

Xét thấy,

